

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

M.S.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu dệt may (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Bùi Thị Thái Nam	Thành viên
Ông Phạm Văn Lượng	Thành viên
Bà Phạm Hoàng Minh	Thành viên
Ông Bùi Tiến Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Lượng	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Thái Nam	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Thị Ngọc Trâm	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Bà Phạm Thị Diệu Lan	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

478 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Phạm Văn Lượng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số: 0224.03/2026/KTTC-CALICO

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu dệt may

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu dệt may (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu dệt may tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 09/2025/BCKT/BCTC-ATC ngày 05/03/2025.



Đồng Ngọc Ánh

Chủ tịch HĐQT

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 3989-2022-273-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN CALICO

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Lê Xuân Phú

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 7109-2025-273-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.646.430.388	88.640.572.050
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	20.894.652.705	9.551.785.128
1. Tiền	111		5.614.741.717	9.551.785.128
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.279.910.988	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	68.581.366.053	72.077.878.225
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		68.581.366.053	72.077.878.225
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.218.723.740	5.926.035.617
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	7.947.589.563	4.976.562.852
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.259.218.977	842.315.088
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	11.915.200	107.157.677
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		951.687.890	1.084.873.080
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	794.227.676	739.608.473
2. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	15	157.460.214	345.264.607
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.359.353.465	14.860.478.524
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	524.597
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	-	524.597
II. Tài sản cố định	220		15.359.353.465	14.859.953.927
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.349.865.965	14.840.116.427
- Nguyên giá	222		78.382.566.796	75.178.943.301
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.032.700.831)	(60.338.826.874)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	9.487.500	19.837.500
- Nguyên giá	228		230.530.000	230.530.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(221.042.500)	(210.692.500)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		117.005.783.853	103.501.050.574

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

478 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		49.626.527.734	43.482.434.781
I. Nợ ngắn hạn	310		49.526.527.734	43.382.434.781
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	939.311.150	1.460.598.925
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	633.870.929	340.824.883
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	15	41.599.679.287	32.245.652.199
4. Phải trả người lao động	314		4.317.665.085	2.249.771.066
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	798.126.818	5.972.456.493
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.237.874.465	1.113.131.215
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	14	100.000.000	100.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.379.256.119	60.018.615.793
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	66.839.282.463	59.370.637.008
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.022.637.008	3.568.541.670
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.816.645.455	5.802.095.338
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.816.645.455	5.802.095.338
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		539.973.656	647.978.785
1. Nguồn kinh phí	431		539.973.656	647.978.785
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		117.005.783.853	103.501.050.574

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Uyên

Trưởng phòng TCKT



Đinh Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Lượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 02-DN

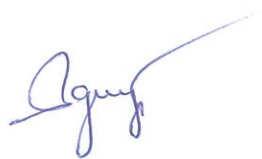
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	96.449.320.262	93.277.122.257
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		96.449.320.262	93.277.122.257
4. Giá vốn hàng bán	11	21	66.177.404.862	68.592.022.951
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		30.271.915.400	24.685.099.306
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.798.545.497	2.739.816.137
7. Chi phí tài chính	22	23	2.195.826	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	20.287.717.772	20.549.807.538
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		13.780.547.299	6.875.107.905
11. Thu nhập khác	31	25	138.042.578	7.597.812
12. Chi phí khác	32	26	19.438.578	5.826.688
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		118.604.000	1.771.124
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.899.151.299	6.876.879.029
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	2.082.505.844	1.074.783.691
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.816.645.455	5.802.095.338
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.363	1.091

Người lập

Trưởng phòng TCKT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Uyên



Đinh Thị Thu Hà



Phạm Văn Lượng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		99.008.311.561	96.715.789.474
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(65.985.979.178)	(56.306.815.508)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.811.229.487)	(14.231.095.749)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.200.000.000)	(1.100.000.000)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.029.240.903	4.815.007.294
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.114.469.116)	(15.143.712.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.925.874.683	14.749.172.991
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.842.606.887)	(3.616.516.128)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(84.164.133.680)	(129.115.511.932)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		87.660.645.852	124.606.014.477
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.753.327.609	2.666.253.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.407.232.894	(5.459.759.883)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.990.240.000)	(4.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.990.240.000)	(4.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		11.342.867.577	5.289.413.108
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.551.785.128	4.262.372.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	20.894.652.705	9.551.785.128

Người lập

Trưởng phòng TCKT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Uyên

Đinh Thị Thu Hà



Phạm Văn Lượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu dệt may tiền thân là Viện dệt may được thành lập theo Quyết định số 24/CP ngày 05/02/1969 của Hội đồng Chính phủ, tên ban đầu là Viện Công nghiệp Dệt và Sợi. Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100294 ngày 10/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 49/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp. Công ty là đối tượng được áp dụng Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu dệt may được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16 tháng 07 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 478 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 16 tháng 07 năm 2025 là 50.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 75 người (Tại ngày 01/01/2025 là: 80 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sản xuất sợi, sản xuất vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- May trang phục, sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải;
- Bán buôn vải hàng may mặc, giày dép;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn hóa chất công nghiệp, tơ, xơ, sợi dệt;
- Hoạt động tư vấn về quy trình giám định các loại hàng hóa, công nghệ quy trình kiểm soát và tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn, chất lượng và trách nhiệm xã hội;
- Hoạt động chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Định giá công nghệ; Giám định công nghệ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

- Hoạt động thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm từ lông thú;
- Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Phần mềm ứng dụng là toàn bộ các chi phí mà Công ty chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Phần mềm ứng dụng 03 - 05 năm

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, các chi phí lắp đặt, thi công, sửa chữa. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09-DN

Ưu đãi thuế:

Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế thu nhập doanh nghiệp trong lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Thông tư số 03/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2025 là năm thứ 02 Công ty được giảm thuế đối với thu nhập từ kết quả kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	615.827.534	749.343.853
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.998.914.183	8.802.441.275
Các khoản tương đương tiền	15.279.910.988	-
	20.894.652.705	9.551.785.128

Tại 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 15.279.910.988 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với lãi suất 4,75%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	68.581.366.053	68.581.366.053	72.077.878.225	72.077.878.225
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	68.581.366.053	68.581.366.053	72.077.878.225	72.077.878.225
	68.581.366.053	68.581.366.053	72.077.878.225	72.077.878.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

(i) Đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi dưới 12 tháng theo các Hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - PGD Kim Liên; lãi suất từ 5,65% - 6,85%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư ADP	2.177.571.044	-	-	-
Tổng công ty Đức Giang - Công ty cổ phần	731.946.750	-	489.491.250	-
Công ty TNHH Hải Đăng Group Việt Nam	254.331.000	-	299.376.000	-
Công ty cổ phần Đồng Tiến	221.722.726	-	273.872.063	-
Công ty TNHH Albetta International (Việt Nam)	-	-	240.106.125	-
Công ty Cổ phần 26	571.479.720	-	198.581.220	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu HSH Việt Nam	265.755.000	-	92.452.500	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh phụ liệu ngành may Việt Nam	238.140.000	-	33.736.500	-
Công ty Cổ phần May Phương Đông	219.656.325	-	47.731.950	-
Các khách hàng khác	3.266.986.998	-	3.301.215.244	-
	7.947.589.563		4.976.562.852	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dệt may Minh Thành Hà Nội	1.931.785.829	-	-	-
Công ty TNHH Thiết bị và hóa chất Nguyễn Quỳnh Anh	657.676.800	-	169.322.400	-
Công ty TNHH Goin International Việt Nam	576.828.000	-	-	-
Công ty TNHH Khởi Toàn	-	-	662.992.688	-
Các nhà cung cấp khác	92.928.348	-	10.000.000	-
	3.259.218.977	-	842.315.088	-

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng	10.000.000	-	-	-
Phải thu khác	1.915.200	-	107.157.677	-
- Công ty cổ phần Vạn Chài	-	-	105.662.477	-
- Các khoản phải thu khác	1.915.200	-	1.495.200	-
	11.915.200	-	107.157.677	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Lãi tài khoản bảo lãnh	-	-	524.597	-
	-	-	524.597	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025	39.903.381.145	32.605.728.843	2.110.000.000	559.833.313	75.178.943.301
Mua sắm	-	3.203.623.495	-	-	3.203.623.495
Tại ngày 31/12/2025	39.903.381.145	35.809.352.338	2.110.000.000	559.833.313	78.382.566.796
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2025	32.686.423.376	25.270.627.263	2.110.000.000	271.776.235	60.338.826.874
Trích khấu hao	379.457.892	2.267.434.272	-	46.981.793	2.693.873.957
Tại ngày 31/12/2025	33.065.881.268	27.538.061.535	2.110.000.000	318.758.028	63.032.700.831
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	7.216.957.769	7.335.101.580	-	288.057.078	14.840.116.427
Tại ngày 31/12/2025	6.837.499.877	8.271.290.803	-	241.075.285	15.349.865.965

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 31.858.013.674 VND (tại ngày 01/01/2025 là 28.252.016.353 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09-DN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2025	230.530.000	230.530.000
Tại ngày 31/12/2025	230.530.000	230.530.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2025	210.692.500	210.692.500
Trích khấu hao	10.350.000	10.350.000
Tại ngày 31/12/2025	221.042.500	221.042.500
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025	19.837.500	19.837.500
Tại ngày 31/12/2025	9.487.500	9.487.500

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	691.867.468	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	102.360.208	739.608.473
	794.227.676	739.608.473

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Song Hóa	-	-	785.392.300	785.392.300
Công ty TNHH UNI Việt Nam	743.396.400	743.396.400	500.655.600	500.655.600
Các khoản phải trả khác	195.914.750	195.914.750	174.551.025	174.551.025
	939.311.150	939.311.150	1.460.598.925	1.460.598.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
DESIPRO PTE LTD	455.700.129	-
SHEICO (CAMBODIA) CO., LTD	-	107.123.125
Công ty TNHH Vonfram Masan	-	65.436.000
Công ty TNHH may trang phục Việt Đức	-	50.210.000
Các khách hàng khác	178.170.800	118.055.758
	633.870.929	340.824.883
b) Người mua trả tiền trước dài hạn		
Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Dệt 8/3	100.000.000	100.000.000
	100.000.000	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

478 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	144.612.695	1.936.205.355	1.946.855.013	-	133.963.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp	110.431.176	-	2.082.505.844	1.200.000.000	-	772.074.668
Thuế thu nhập cá nhân	234.833.431	-	640.380.490	545.636.858	157.460.214	17.370.415
Thuế nhà đất, tiền thuế đất (i)	-	32.101.039.504	11.487.661.605	2.912.429.942	-	40.676.271.167
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.005.758	4.005.758	-	-
	<u>345.264.607</u>	<u>32.245.652.199</u>	<u>16.150.759.052</u>	<u>6.608.927.571</u>	<u>157.460.214</u>	<u>41.599.679.287</u>

(i) Khoản tiền thuế đất nộp bao gồm khoản thuế đất được trích lập theo tờ trình số 2159/TTr-BĐH ngày 31/12/2025 với số tiền là 11.419.989.586 VND, trong đó tiền thuế đất phải nộp tại Hà Nội là 1.625.575.956 VND và số trích lập dự phòng tiền thuế đất tại chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là 9.794.413.631 VND.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bộ Công thương - kinh phí thu hồi các dự án (i)	-	5.922.070.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	29.886.493	29.886.493
Chi phí môi giới	370.346.325	-
Chi phí đào tạo	284.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	113.894.000	20.500.000
	798.126.818	5.972.456.493

(i) Khoản kinh phí thu hồi các dự án Công ty phải nộp Quỹ phát triển khoa học công nghệ theo công văn số 399/CV-VDM ngày 15/12/2016 của Viện Dệt may và công văn số 20/CV-PVDM ngày 12/12/2016 của Phân viện Dệt may tại thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2025, Công ty đã nộp lại khoản kinh phí này cho Bộ Công thương ngày 06/05/2025.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm 2024				
Tại ngày 01/01/2024	50.000.000.000	3.001.240.818	4.847.300.852	57.848.541.670
Tăng trong năm trước	-	567.300.852	-	567.300.852
Lãi trong năm trước	-	-	5.802.095.338	5.802.095.338
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	280.000.000	280.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	567.300.852	567.300.852
Chi cổ tức	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tại ngày 31/12/2024	50.000.000.000	3.568.541.670	5.802.095.338	59.370.637.008
Năm 2025				
Tại ngày 01/01/2025	50.000.000.000	3.568.541.670	5.802.095.338	59.370.637.008
Tăng trong năm	-	1.454.095.338	-	1.454.095.338
Lãi trong năm nay	-	-	11.816.645.455	11.816.645.455
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	348.000.000	348.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.454.095.338	1.454.095.338
Chi cổ tức	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tại ngày 31/12/2025	50.000.000.000	5.022.637.008	11.816.645.455	66.839.282.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09-DN

Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 số 604/NQ-ĐHĐCĐVTRI-2025 ngày 30/06/2025 thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2025 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2025 VND
Cổ phần của SCIC	57,45%	28.727.000.000	57,45%	28.727.000.000
Các cổ đông khác	42,55%	21.273.000.000	42,55%	21.273.000.000
	100%	50.000.000.000	100%	50.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.000.000.000	4.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.000.000.000	4.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.022.637.008	3.568.541.670
	5.022.637.008	3.568.541.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

18. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	647.978.785	1.324.964.500
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	658.004.380	1.801.000.000
Chi sự nghiệp	766.009.509	2.477.985.715
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	539.973.656	647.978.785

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
Đồng đô la Mỹ (USD)	52.143,09	39.143,26

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	33.619.537.244	42.066.387.910
Doanh thu cung cấp dịch vụ	62.829.783.018	51.210.734.347
	96.449.320.262	93.277.122.257

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.848.656.402	40.831.586.135
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.328.748.460	27.760.436.816
	66.177.404.862	68.592.022.951

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.753.327.609	2.666.253.700
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	45.217.888	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại sổ dư cuối năm	-	73.562.437
	3.798.545.497	2.739.816.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.195.826	-
	2.195.826	-

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.020.258.576	5.940.772.059
Chi phí vật liệu quản lý	114.083.445	182.035.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	426.439.685	443.616.984
Thuế, phí, lệ phí	11.491.661.605	11.729.385.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.790.219.040	1.776.645.543
Chi phí khác bằng tiền	445.055.421	477.351.776
	20.287.717.772	20.549.807.538

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tiền phạt thu được	60.039.415	5.600.000
Thu nhập khác	78.003.163	1.997.812
	138.042.578	7.597.812

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	12.489.259	-
Chi phí khác	6.949.319	5.826.688
	19.438.578	5.826.688

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09-DN

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.899.151.299	6.876.879.029
Thu nhập từ hoạt động KHCN được miễn, giảm thuế (i)	6.998.222.679	3.017.574.517
Các khoản điều chỉnh tăng	12.489.259	5.826.688
- Chi phí không được trừ	12.489.259	5.826.688
Thu nhập chịu thuế TNDN	20.909.863.237	3.865.131.200
Thu nhập tính thuế TNDN	20.909.863.237	3.865.131.200
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp được miễn, giảm	699.822.268	301.757.451
Thuế TNDN phải nộp không được miễn, giảm	1.382.683.576	773.026.240
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành không được miễn, giảm	2.082.505.844	1.074.783.691

(i) Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế thu nhập doanh nghiệp trong lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Thông tư số 03/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ kết quả kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	11.816.645.455	5.802.095.338
Các khoản điều chỉnh	-	(348.000.000)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(348.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.816.645.455	5.454.095.338
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.363	1.091

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.593.015.026	50.956.262.054
Chi phí nhân công	18.524.462.747	16.287.417.965
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.704.223.957	2.607.722.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.397.820.760	5.482.382.384
Chi phí khác bằng tiền	13.245.600.207	13.808.100.346
	86.465.122.697	89.141.885.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lương và thù lao của người quản lý chuyên trách	1.578.575.288	1.784.285.000
- Lương và thù lao của người quản lý khác	190.000.000	297.000.000

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ATC Việt Nam.

33. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Uyên

Trưởng phòng TCKT

Đinh Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Lượng

